

Bản án số: **15/2022/HNGĐST**
Ngày 18-3-2022
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trương Văn Sắc**
2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2022/TLST–HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị C** – sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: số 129, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Bùi Thanh T** - sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: số 129, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:**

Chị và anh Bùi Thanh T chung sống với nhau vào tháng 4/1995, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi chung sống, vợ chồng có tìm hiểu nhau trước khoảng 1 năm, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến tháng 8/2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, có lối sống không phù hợp, dẫn đến gia đình không hạnh phúc, anh T lo chơi bời, chị khuyên can không được, sau đó anh T bắt buộc chị phải nộp đơn ly hôn ra Tòa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Chị và anh T đã ly thân với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Bùi Thị Diễm H – sinh năm 1997
2. Bùi Thanh K – sinh ngày 15/9/2008

Cháu K đã có giấy khai sinh và hiện nay đang sống chung với vợ chồng. Riêng người con là Bùi Thị Diễm H – sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị C yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị C yêu cầu được ly hôn với anh T.

- *Về quan hệ con chung*: Chị C yêu cầu được nuôi cháu Bùi Thanh K – sinh ngày 15/9/2008, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Riêng người con là Bùi Thị Diễm H – sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Bùi Thanh T trình bày:**

Anh đồng ý với lời trình bày của chị C về ngày vợ chồng chung sống, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, có 02 con chung, vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung như trên là đúng.

Tại phiên tòa, anh T yêu cầu:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh T đồng ý ly hôn với chị C.

- *Về quan hệ con chung*: Anh T đồng ý giao cháu Bùi Thanh K – sinh ngày 15/9/2008 cho chị C nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Riêng người con là Bùi Thị Diễm H – sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về thủ tục tố tụng**: Yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Thanh T.

Chị C và anh T xác nhận anh chị chung sống với nhau vào tháng 4/1995, không đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân không hợp pháp.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

[2] *Về quan hệ con chung*: Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Bùi Thanh K thì nguyện vọng của cháu K là muốn được sống chung với mẹ là chị C. Đồng thời, chị C và anh T đều thống nhất giao cháu K cho chị C nuôi dưỡng. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị C, anh Bùi Thanh T và nguyện vọng của cháu Bùi Thanh K là tiếp tục giao cháu Bùi Thanh K – sinh ngày 15/9/2008 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị C không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Riêng người con là Bùi Thị Diễm H – sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định, trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị C:

- Chị C và anh T chung sống với nhau mà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Thanh T là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị C, anh Bùi Thanh T và nguyện vọng của cháu Bùi Thanh K là tiếp tục giao cháu Bùi Thanh K – sinh ngày 15/9/2008 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Thanh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng người con là Bùi Thị Diễm H – sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí HNGĐST**: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 26 và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Thanh T là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị C, anh Bùi Thanh T và nguyện vọng của cháu Bùi Thanh K là tiếp tục giao cháu Bùi Thanh K – sinh ngày 15/9/2008 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Bùi Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bùi Thanh T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Riêng người con là Bùi Thị Diễm H – sinh năm 1997 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006083, ngày 07 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo